

Bản án số: 33/2022/HNGĐ-PT

Ngày: 26 - 12 - 2022

“V/v: Ly hôn và tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Công Bình;

Các Thẩm phán: 1. Ông Nguyễn Duy Thuận;
2. Ông Hoàng Kim Khánh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Vinh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Ngụ Văn Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 36/2022/HNGĐ-PT ngày 04/11/2022, về việc “*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con chung*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 53/2022/HNGĐ-ST ngày 13/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 40a/2022/QĐ-PT ngày 16/11/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2022/QĐ-PT ngày 05/12/2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Phạm N; địa chỉ: Thôn X, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

2. *Bị đơn:* Chị Lê Thị Quý P; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn X, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; nơi ở hiện nay: Thôn M, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

3. *Người kháng cáo:* Nguyên đơn anh Nguyễn Phạm N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**/ Về quan hệ hôn nhân:* Anh Nguyễn Phạm N và chị Lê Thị Quý P là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 09/12/2019 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và thương yêu nhau. Sau khi kết hôn về chung sống với nhau, thì cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc và thường xảy ra mâu thuẫn cãi nhau. Nguyên nhân là do vợ chồng tính cách không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống và không có sự quan tâm chăm sóc nhau. Mặc dù vợ chồng đã nhiều

lần hòa giải để đảm bảo hạnh phúc gia đình nhưng không được và mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được.

Do đó, anh Nguyễn Phạm N đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Lê Thị Quý P. Đối với chị P đã xác định quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc và tình cảm vợ chồng không còn nên cũng đồng ý ly hôn với anh N. Cả anh N và chị P đều đề nghị Tòa án công nhận cho vợ chồng được thuận tình ly hôn.

**/ Về con chung:* Quá trình chung sống, anh N và chị P có 01 con chung là cháu Nguyễn Lê Minh K, sinh ngày 18/4/2020.

Anh N có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Lê Minh K cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và không yêu cầu chị P phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị P không đồng ý với yêu cầu của anh N và chị P cũng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Lê Minh K cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, vì cháu K còn nhỏ (chưa 36 tháng tuổi) và yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

**/ Về tài sản chung và nợ chung:* Cả anh N và chị P đều xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 53/2022/HNGĐ-ST ngày 13/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk, đã quyết định:

- Căn cứ: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 235; Điều 266; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 51, 55, 58, 81, 82, 83, 110, 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Phạm N.

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa Anh Nguyễn Phạm N và Chị Lê Thị Quý P.

- Về nuôi con chung: Giao con chung cháu Nguyễn Lê Minh K, sinh ngày 18/4/2020 cho chị Lê Thị Quý P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Phạm N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Phạm N phải cấp dưỡng nuôi con chung cho cháu Nguyễn Lê Minh K, sinh ngày 18/4/2020 với mức 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi. Phương thức cấp dưỡng hàng tháng bằng tiền mặt. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Vì lợi ích của con chung, cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 26/9/2022, nguyên đơn anh Nguyễn Phạm N kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, với nội dung: Bản án sơ thẩm giao con chung cháu Nguyễn Lê Minh K cho chị P nuôi dưỡng là không đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp và ảnh hưởng đến tương lai của cháu K, vì: Chị P là người có bệnh khuyết tật thần kinh, bị động kinh mức độ nặng, hiện nay vẫn phải uống thuốc điều trị và sống nhờ vào trợ cấp hàng tháng dành cho người khuyết tật, nên không đủ điều kiện để chăm sóc và nuôi dạy con chung; đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giao con chung cho anh Nguyễn Phạm N chăm sóc, nuôi dưỡng và không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn anh Nguyễn Phạm N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo về phần nuôi dưỡng con chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa trình bày ý kiến xác định: Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm Thẩm phán cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Về nội dung: Tại công văn số 90/CV-LĐTĐBXH ngày 05/12/2022 của Phòng lao động thương binh và xã hội huyện K cung cấp kèm hồ sơ đề nghị trợ cấp xã hội của chị Lê Thị Quý P thì chị P bị bệnh khuyết tật thần kinh, tâm thần và đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng. Như vậy trong trường hợp này chị P không đủ điều kiện để trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Do đó, kháng cáo của anh Nguyễn Phạm N về phần nuôi con chung là có căn cứ. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 và Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự: Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn anh Nguyễn Phạm N, sửa bản án sơ thẩm về nuôi con chung; giao con chung là cháu Nguyễn Lê Minh K, sinh ngày 18/4/2020 cho anh N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đối với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn anh Nguyễn Phạm N, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1.1] Anh Nguyễn Phạm N và chị Lê Thị Quý P, là vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 09/12/2019. Cả anh N và chị P đều xác định trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống chung không có hạnh phúc và mục đích hôn nhân không đạt được, nên anh N và chị P đều đồng ý ly hôn nhau. Bản án sơ thẩm đã công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Phạm N và chị Lê Thị Quý P là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[1.2] Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng anh Nguyễn Phạm N và chị Lê Thị Quý P có một con chung là cháu Nguyễn Lê Minh K, sinh ngày 18/4/2020; bản án sơ thẩm tuyên giao con chung cho chị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh N kháng cáo cho rằng chị P là người có bệnh khuyết tật thần kinh, bị động kinh mức độ nặng, nên không thể chăm sóc, nuôi dạy con chung và đề nghị giao con chung là cháu Nguyễn Lê Minh K cho anh N chăm sóc, nuôi dưỡng. Xét thấy: Cha mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau, cùng chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên và việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung chưa thành niên sau khi ly hôn là quyền, nghĩa vụ của cha mẹ; khi xem xét giao con chung cho cha hoặc mẹ nuôi dưỡng, cần phải xem xét đến quyền lợi của các con, cũng như điều kiện hoàn cảnh của cha mẹ. Tuy nhiên, theo nội dung Công văn số 90/CV-LĐTĐXH ngày 05/12/2022 của Phòng Lao động Thương binh và Xã hội huyện K cung cấp, kèm hồ sơ đề nghị trợ cấp xã hội của chị Lê Thị Quý P, thì hiện nay chị P là người bị bệnh khuyết tật thần kinh, tâm thần mức độ nặng và là đối tượng đang hưởng trợ cấp bảo trợ xã hội hàng tháng do Phòng lao động thương binh và xã hội quản lý. Như vậy, mặc dù con chung là cháu Nguyễn Lê Minh K hiện nay chưa đủ 36 tháng tuổi, nhưng chị P là người có bệnh về khuyết tật thần kinh, tâm thần mức độ nặng; công việc và thu nhập không ổn định, nên không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; đồng thời anh N đã đón cháu K về chăm sóc, nuôi dưỡng từ tháng 06/2022 cho đến nay và được anh N chăm sóc, nuôi dưỡng và phát triển bình thường về mọi mặt. Hiện nay anh N có chỗ ở, công việc và thu nhập ổn định, nên có đủ điều kiện để nuôi con. Như vậy, để đảm bảo được quyền lợi, sự phát triển bình thường về mọi mặt của cháu Nguyễn Lê Minh K, thì cần giao cháu K cho anh N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Do đó, cần chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Phạm N, sửa bản án sơ thẩm về phần nuôi con chung.

[1.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Nguyễn Phạm N không yêu cầu chị Lê Thị Quý P cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[2] Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận nên người kháng cáo anh Nguyễn Phạm N không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, nên Hội đồng xét xử không xem xét và đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 2 Điều 308 và Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn anh Nguyễn Phạm N; sửa Bản án sơ thẩm số 53/2022/HNGĐ-ST ngày 13/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk về phần nuôi con chung.

Áp dụng: Các Điều 51, 55, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 26, Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Phạm N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa Anh Nguyễn Phạm N và Chị Lê Thị Quý P.

2. Về con chung: Giao con chung cháu Nguyễn Lê Minh K, sinh ngày 18/4/2020 cho anh Nguyễn Phạm N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Chị Lê Thị Quý P có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Nguyễn Phạm N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí:

4.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Phạm N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số AA/2021/0016355 ngày 18/7/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

4.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Anh Nguyễn Phạm N không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn trả cho anh Nguyễn Phạm N 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm mà anh N đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0016456, ngày 04/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao (Vụ #);
- TANDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Krông Pắc;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Trương Công Bình